

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2025

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Được

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Trân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số F ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số F ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2018, bà L với ông Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời kỳ hôn nhân ông bà chung sống hạnh phúc với nhau, nhưng về sau khoảng năm 2024 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn vì tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với

nhau, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà L với ông Đ có 01 người con chung là Trần Tấn L1 (nam, sinh ngày 28/10/2018) đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1 đến đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, vì hiện nay bà L đang buôn bán tạp hóa có thu nhập ổn định có thể tự nuôi con chung, trường hợp sau này nếu không còn đủ khả năng nuôi con thì bà L sẽ yêu cầu ông Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L tự trình bày là không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Đ.

[2]. Bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn, nuôi con khi ly hôn với ông Trần Văn Đ có nơi cư trú tại xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thùy L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng

nuôi con. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn là ông Trần Văn Đ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình hoạt động tố tụng của Tòa án, không có ý kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay có đơn yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Bà L với ông Đ kết hôn với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và tại thời điểm kết hôn bà L với ông Đ không vi phạm điều cấm kết hôn. Vì vậy, hôn nhân giữa bà L với ông Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong thời gian đầu chung sống, thì bà L với ông Đ sống rất hạnh phúc, nhưng về sau bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Từ đó cho thấy, L với ông Đ đã không còn tình nghĩa vợ chồng, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc hàng ngày trong gia đình theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân Gia đình.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa L với ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn hay hòa giải được nên căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L.

[6]. Về con chung: Xét thấy, con chung là cháu Trần Tấn L1 (nam, sinh ngày 28/10/2018) đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, được chăm sóc và giáo dục trong điều kiện tốt nhất, cháu L1 hiện đang sống ổn định và phát triển về mọi mặt, đã quen với điều kiện môi trường sống chung với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L tự trình bày là không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng cũng như quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Tấn L1 (nam, sinh ngày 28/10/2018) cho bà Nguyễn Thị Thùy L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình.

Ông Trần Văn Đ không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu giải quyết.

Ông Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Ông Trần Văn Đ không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà Nguyễn Thị Thùy L .

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy L tự trình không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006769 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên bà Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp,

tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

